

Số: 09/2024/CV-A7

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

- Mã chứng khoán: DL1
- Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
- Email: info@a7group.vn Website: http://www.a7group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/03/2024 tại đường dẫn: <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023;

- Văn bản giải trình chênh lệch 10% LNST.



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**[®])

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2023	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	12 – 41
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	42
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	43



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, 02 công ty con và 02 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được soát xét của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 công ty con và 02 công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 08 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ : 1.062.360.940.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2023 : 1.062.360.940.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DL1.

2. Trụ sở hoạt động**2.1 Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (283) 736 7187

Fax : +84 (283) 736 7187

Mã số thuế : 5 9 0 0 4 3 7 2 5 7

2.2 Các chi nhánh**Tên chi nhánh**

Bến xe Gia Lai – Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven

Địa chỉ

43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

2.3 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con trong năm như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*)	Thôn Quán Thê 1, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

Thông tin về công ty liên kết trong năm như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)	Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	Bất động sản	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00	49,00
2. Công ty CP BOT&BT Đắk Nông	Số 04 Điện Biên Phủ, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Tân Tiến	Thành viên	25/06/2023	
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	25/06/2023	
Ông Phan Đức Hiếu	Thành viên	25/06/2023	
Ông Đặng Công Bình	Thành viên	12/07/2022	10/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	25/06/2023	
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	25/06/2023	
Bà Hồ Thị Thu Trang	Thành viên	25/06/2023	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (hợp nhất) này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	06/05/2016	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 08 đến trang 43.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

9 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Tổng Giám đốc

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Số 2271/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024 (từ trang 08 đến trang 43), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Trần Văn Hiệp - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		681.949.610.628	715.883.204.508
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.214.119.935	15.511.992.832
111	1. Tiền		4.214.119.935	15.511.992.832
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		89.520.000.000	300.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	93.200.000.000	300.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.680.000.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		559.070.449.499	363.787.198.703
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	266.506.334.421	28.777.758.783
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	98.279.525.141	2.061.250.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	176.950.244.737	285.498.674.651
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	17.705.012.637	47.820.065.547
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.7	(672.700.000)	(672.700.000)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		302.032.563	302.149.722
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	18.446.378.329	22.277.540.153
141	1. Hàng tồn kho		18.446.378.329	22.291.715.751
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(14.175.598)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.698.662.865	14.306.472.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	378.674.041	452.972.565
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.319.944.541	13.853.500.255
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.18	44.283	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.745.255.907.198	2.220.700.909.953
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		169.283.600.604	605.716.659.789
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	125.322.457.980	485.022.457.980
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	43.961.142.624	120.694.201.809
220	II. Tài sản cố định		741.666.479.507	782.890.280.127
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	741.379.941.038	782.556.478.945
222	- Nguyên giá		956.803.937.096	951.986.169.628
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(215.423.996.058)	(169.429.690.683)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	286.538.469	333.801.182
228	- Nguyên giá		589.565.000	589.565.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(303.026.531)	(255.763.818)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.12	-	-
231	- Nguyên giá		1.891.892.974	1.891.892.974
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.891.892.974)	(1.891.892.974)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		61.469.859.704	60.678.502.632
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	61.469.859.704	60.678.502.632
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.14	677.783.730.940	666.018.546.496
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		677.783.730.940	666.018.546.496
260	VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		95.052.236.443	105.396.920.909
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	28.963.210.509	31.046.075.341
269	2. Lợi thế thương mại	V.15	66.089.025.934	74.350.845.568
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.427.205.517.826	2.936.584.114.461

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.029.667.399.045	1.609.615.576.422
310	I. Nợ ngắn hạn		339.263.343.113	598.904.952.382
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	33.032.099.114	24.896.883.672
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	14.323.812.433	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	2.865.166.597	7.505.981.794
314	4. Phải trả người lao động		3.398.799.176	3.517.488.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	63.837.563.144	39.907.969.660
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	4.486.027.282	1.372.299.985
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	216.685.206.300	521.069.659.700
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		634.669.067	634.669.067
330	II. Nợ dài hạn		690.404.055.932	1.010.710.624.040
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.20b	14.034.302.892	12.092.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	676.369.753.040	998.618.624.040
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.397.538.118.781	1.326.968.538.039
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.397.538.118.781	1.326.968.538.039
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.049.485.820	1.049.485.820
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.498.805	663.498.805
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		163.466.413.767	121.278.789.893
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		121.278.789.893	75.976.783.361
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		42.187.623.874	45.302.006.532
429	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		169.997.780.389	141.615.823.521
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.427.205.517.826	2.936.584.114.461

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	281.272.879.044	279.285.104.532
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		281.272.879.044	279.285.104.532
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	143.361.920.645	154.405.590.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		137.910.958.399	124.879.514.518
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	71.445.902.439	71.867.559.186
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	128.872.791.447	125.460.106.806
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		105.462.046.335	122.424.127.308
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		20.465.184.444	25.468.279.263
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	1.272.553.559	1.480.396.089
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	29.193.312.660	26.223.747.337
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.483.387.616	69.051.102.735
31	12. Thu nhập khác		1.377.185.376	30.649.507
32	13. Chi phí khác		79.300.582	815.932.128
40	14. Lợi nhuận khác		1.297.884.794	(785.282.621)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.781.272.410	68.265.820.114
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.18	1.211.691.668	1.393.530.438
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		70.569.580.742	66.872.289.676
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		42.187.623.874	45.302.006.532
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		28.381.956.868	21.570.283.144
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	397	426
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	397	426

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc

**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.17	71.781.272.410	68.265.820.114
	2. Điều chỉnh cho các khoản		77.302.326.312	86.560.746.276
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10,11,12,15	59.031.716.508	59.330.040.816
03	- Các khoản dự phòng		3.665.824.402	526.709.120
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền			
04	tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(90.857.260.933)	(95.720.130.968)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	105.462.046.335	122.424.127.308
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		149.083.598.722	154.826.566.390
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(348.538.635.807)	191.076.184.560
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.845.337.422	4.426.064.636
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu		35.005.952.936	255.085.508.608
	nhập phải nộp)			
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.157.163.356	(30.430.719.003)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		206.800.000.000	(300.000.000.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(80.921.363.868)	(107.728.234.553)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(5.373.180.048)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(37.941.127.287)	167.255.370.638
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.11, 12	(11.150.361.192)	(1.935.595.419)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.070.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		468.248.429.914	(372.489.728.057)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		195.108.510.068	47.765.488.450
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		653.276.578.790	(326.659.835.026)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của			
32	doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	382.371.958.881	162.710.532.303
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(1.009.005.283.281)	(190.768.783.377)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(626.633.324.400)	(28.058.251.074)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(11.297.872.897)	(187.462.715.462)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	15.511.992.832	202.974.708.294
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	4.214.119.935	15.511.992.832

Người lập biểu/Kê toán trưởng

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 02 Công ty con cùng 02 Công ty liên kết (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Mua bán đá, phân bón, nông sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Trang trí nội thất;
- Dịch vụ thương mại;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.

281
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
JAN
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn.

6. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất**6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con tại ngày 31/12/2023: 02 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 công ty

Công ty con

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (“DLG Ansen”)	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (“DLG Ninh Thuận”) ^(*)	Sản xuất kinh doanh điện năng lượng mặt trời	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

^(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2023: 02 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất (theo phương pháp vốn chủ sở hữu): 02 Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Bất động sản	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%
2. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 165 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 190 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con

Công ty con

Công ty con là các đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị số kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05-08 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.



13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính



theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.442.176.428	685.134.691
Tiền gửi ngân hàng	2.771.943.507	14.826.858.141
Tổng cộng	4.214.119.935	15.511.992.832

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽³⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	93.200.000.000	93.200.000.000	(3.680.000.000)	300.000.000.000	300.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ⁽¹⁾	55.200.000.000	51.520.000.000	(3.680.000.000)	300.000.000.000	300.000.000.000	-
- Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng ⁽²⁾	38.000.000.000	38.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	93.200.000.000	93.200.000.000	(3.680.000.000)	300.000.000.000	300.000.000.000	-

(1) Là khoản đầu vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

(2) Là khoản đầu vào Công ty TNHH SX – TM – DV Đồng Phú Hưng theo biên bản họp HĐQT số 01BBH-DLGANSEN ngày 23/09/2023.

(3) **Giá trị hợp lý và dự phòng được xác định như sau:**

Tại ngày 31/12/2023, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai được xác định theo giá chuyển nhượng cổ phiếu theo hợp đồng mua bán cổ phần số 013/HĐMBCP-DL1 ngày 30 tháng 12 năm 2023 và hợp đồng mua bán cổ phần số 014/HĐMBCP-DL1 ngày 30 tháng 12 năm 2023.

- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng được xác định theo giá chuyển nhượng cổ phiếu theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 26 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Biến động đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Đầu năm		Tình hình tăng/giảm trong năm		Cuối năm	
	Số lượng	Giá trị đầu tư ban đầu	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị đầu tư ban đầu
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	10.000.000	300.000.000.000	(8.160.000)	(244.800.000.000)	1.840.000	55.200.000.000
- Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng	-	-		38.000.000.000		38.000.000.000
Cộng		300.000.000.000		(206.800.000.000)		93.200.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	550.000.000	1.912.770.477
- CN Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	-	136.000.000
- Ansen Electronics Company	-	1.776.770.477
- Ông Bùi Minh Đức	550.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	265.956.334.421	26.864.988.306
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.801.987.261	25.097.403.832
- Ông Huỳnh Thái Quốc (*)	114.240.000.000	-
- Bà Võ Thị Thu Hằng (**)	114.240.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.674.347.160	1.767.584.474
Cộng	266.506.334.421	28.777.758.783

(*) Là khoản tiền phải thu của hợp đồng mua bán cổ phần số 013/HĐMBCP-DL1 ngày 30 tháng 12 năm 2023. Tính đến ngày 29 tháng 03 năm 2024, Công ty đã thu được đầy đủ số tiền này.

(**) Là khoản tiền phải thu của hợp đồng mua bán cổ phần số 014/HĐMBCP-DL1 ngày 30 tháng 12 năm 2023. Tính đến ngày 29 tháng 03 năm 2024, Công ty đã thu được đầy đủ số tiền này.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	95.381.714.101	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	522.200.000	-
- Ansen Electronics Company	20.809.514.101	-
- Công ty Cp Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (*)	74.050.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	2.897.811.040	2.061.250.000
- Các đối tượng khác	2.897.811.040	2.061.250.000
Cộng	98.279.525.141	2.061.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(*) Khoản trả trước của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có công trình xây dựng gắn liền trên đất là Nhà xưởng – Văn phòng) số 01/HĐCNQSDĐ-TSGLVĐ ngày 28/09/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai và Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen. Giá trị chuyển nhượng 70.000.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	87.100.000.000	68.800.000.000
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	87.100.000.000	68.800.000.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	89.850.244.737	216.698.674.651
- Công ty TNHH SX TM DV Đồng Phú Hưng ⁽²⁾	45.000.000.000	-
- Trần Thị Quỳnh ⁽³⁾	31.793.000.000	17.200.000.000
- Phạm Thị Thanh Loan ⁽⁴⁾	9.377.239.237	16.243.900.000
- Các đối tượng khác	3.680.005.500	183.254.774.651
Cộng	176.950.244.737	285.498.674.651

(1) Là khoản cho vay theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 9% - 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2023/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 01/07/2023.

(2) Là khoản cho vay theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo: tín chấp.

(3) Là khoản cho bà Trần Thị Quỳnh vay theo Hợp đồng vay vốn số 022023/HĐMT ngày 28/02/2023, số tiền vay 32.650.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm.

(4) Là khoản cho Bà Phạm Thị Thanh Loan vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/HĐCT ngày 01 tháng 03 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	112.900.000.000	112.900.000.000
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long ⁽¹⁾	112.900.000.000	112.900.000.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	12.422.457.980	372.122.457.980
- Phạm Thị Hiền ⁽²⁾	9.650.000.000	10.000.000.000
- Hồ Thị Thu ⁽³⁾	2.772.457.980	2.772.457.980
- Các đối tượng khác	-	359.350.000.000
Cộng	125.322.457.980	485.022.457.980

(1) Là các khoản cho Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long vay theo các Hợp đồng cho vay có thời hạn trên 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng lợi nhuận từ Dự án Đức Long Golden Land do Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long làm chủ đầu tư theo Thỏa thuận số 01/2020/TTĐB-VGL-DLGNT ngày 20/07/2020. Hiện nay, Dự án này chưa hoàn thành đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

⁽²⁾ Là khoản cho bà Phạm Thị Hiền vay theo hợp đồng vay vốn số 01102022/HĐMT ngày 13/10/2022, số tiền vay 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm.

⁽³⁾ Là khoản cho bà Hồ Thị Thu vay theo hợp đồng vay vốn số 01092022/HĐMT ngày 20/09/2022, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 7%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.152.060.274	29.013.610.959
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (lãi cho vay)	11.152.060.274	2.913.610.959
- Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông (cổ tức)	-	26.100.000.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	6.552.952.363	18.806.454.588
- Lãi cho vay phải thu	4.224.305.868	18.417.746.410
- Tạm ứng nhân viên	231.764.800	208.500.000
- Các khoản phải thu khác	2.096.881.695	180.208.178
Cộng	17.705.012.637	47.820.065.547

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	43.961.142.624	30.317.142.624
- Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Vạn Gia Long (lãi cho vay)	41.896.767.123	28.252.767.123
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	-	90.377.059.185
- Các đối tượng khác (lãi cho vay)	-	90.377.059.185
Cộng	43.961.142.624	120.694.201.809

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.416.000.000	743.300.000		1.401.000.000	728.300.000
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.416.000.000	743.300.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.401.000.000	728.300.000
Cộng		1.416.000.000	743.300.000		1.401.000.000	728.300.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(672.700.000)	(145.990.880)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(672.700.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	145.990.880
Số cuối năm	(672.700.000)	(672.700.000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	7.926.737.420	-	14.703.724.568	(14.175.598)
- Công cụ dụng cụ	2.770.120.695	-	1.183.118.919	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.018.801	-	2.205.640.753	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	7.610.501.413	-	4.199.231.511	-
Cộng	18.446.378.329	-	22.291.715.751	(14.175.598)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là các vật tư dùng sản xuất các linh kiện điện tử.⁽²⁾ Thành phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	452.972.565	305.890.411
- Tăng trong năm	3.085.920.846	928.091.380
- Phân bổ trong năm	(3.160.219.370)	(781.009.226)
Số cuối năm	378.674.041	452.972.565

Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	322.562.219	125.880.146
- Chi phí khác	56.111.822	327.092.419
Cộng	378.674.041	452.972.565

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	31.046.075.341	762.438.492
- Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm đầu tiên	-	31.039.626.151
- Tăng trong năm	1.959.925.482	2.785.787.674
- Phân bổ trong năm	(4.042.790.314)	(3.541.776.976)
Số cuối năm	28.963.210.509	31.046.075.341

Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	27.405.727.302	29.118.585.258
- Công cụ, dụng cụ	521.389.457	417.771.886
- Chi phí sửa chữa tài sản	807.516.601	1.280.478.715
- Chi phí khác	228.577.149	229.239.482
Cộng	28.963.210.509	31.046.075.341

(*) Theo các Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐ ngày 26/06/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 15.828,60 m² (được cấp GCNQSDĐ số 159262); Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 31/01/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 560.087,20 m² (được cấp GCNQSDĐ số 364963). Giá trị còn lại của chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 27.405.727.302 đồng (xem Thuyết minh V.21).

10. Tài sản cố định hữu hìnhChi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	589.565.000	589.565.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	589.565.000	589.565.000
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	58.625.000	58.625.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	255.763.818	255.763.818
2. Tăng trong năm	47.262.713	47.262.713
- Khấu hao	47.262.713	47.262.713
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	303.026.531	303.026.531
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	333.801.182	333.801.182
2. Tại ngày cuối năm	286.538.469	286.538.469

12. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Kiốt cho thuê	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.891.892.974	1.891.892.974
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Tăng trong năm	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
3. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.409.249.411	1.482.431.806
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	-	125.899.963
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	1.409.249.411	1.356.531.843

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh đang trong quá trình xây dựng, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 003781 vào tháng 10 năm 2021 giữa Bà Trần Thị Lan Phương với Công ty. Công ty đang thực hiện triển khai Dự án Tòa nhà văn phòng tại khu đất này.

Giá trị của tài sản được thế chấp cho khoản vay của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 60.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.21).

14. Đầu tư tài chính dài hạn**Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc
- Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long ⁽¹⁾	Bất động sản	49%	447.578.934.010	49%	447.578.934.010
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông ⁽²⁾	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29%	201.187.500.000	29%	201.187.500.000
Cộng			648.766.434.010		648.766.434.010

⁽¹⁾ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306050079 ngày 02/10/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề hoạt động chính là bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (số đầu năm là 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ).

⁽²⁾ Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long	Công ty CP BOT&BT Đúc Long Đắc Nông	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư			
- Số đầu năm	447.578.934.010	201.187.500.000	648.766.434.010
- Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
- Giảm giá trị đầu tư	-	-	-
- Số cuối năm	447.578.934.010	201.187.500.000	648.766.434.010
Phần lũy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi mua			
- Số đầu năm	696.766.070	16.555.346.416	17.252.112.486
- Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh trong năm	4.747.692	20.460.436.752	20.465.184.444
- Loại trừ hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu về cổ tức nhận được trong năm	-	(8.700.000.000)	(8.700.000.000)
- Số cuối năm	701.513.762	28.315.783.168	29.017.296.930
Giá trị ghi sổ			
Số đầu năm	448.275.700.080	217.742.846.416	666.018.546.496
Số cuối năm	448.280.447.772	229.503.283.168	677.783.730.940

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (thời gian phân bổ: 10 năm)	591.831.907	-	(66.373.672)	525.458.235
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (thời gian phân bổ: 10 năm)	73.759.013.661	-	(8.195.445.962)	65.563.567.699
Cộng	74.350.845.568	-	(8.261.819.634)	66.089.025.934

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	8.689.622.253	4.597.433.474
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	2.701.600.000	1.540.000.000
- Ansen Electronics Company	5.988.022.253	3.057.433.474
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	24.342.476.861	20.299.450.198
- Công ty TNHH Nhựa Kỹ thuật Sakura	1.059.624.582	6.080.875.935
- Công ty TNHH CNS Amura Precision	10.905.963.563	3.539.872.623
- Các đối tượng khác	12.376.888.716	10.678.701.640
Cộng	33.032.099.114	24.896.883.672

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bên liên quan	13.785.697.805	-
- Ansen Electronics Company	13.785.697.805	-
Đối tượng khác	538.114.628	-
- Đối tượng khác	538.114.628	-
Cộng	14.323.812.433	-

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	910.478.696	-	15.683.092.120	(15.936.194.710)	657.376.106	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	932.473.570	(932.477.596)	-	4.026
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.406.959.692	-	1.211.691.668	(5.373.180.048)	1.245.471.312	-
- Thuế thu nhập cá nhân	34.198.521	-	613.133.518	(535.939.701)	111.392.338	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.137.285.601	-	796.099.920	(1.082.458.680)	850.926.841	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	753.103.160	(753.143.417)	-	40.257
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	17.059.284	-	14.225.500	(31.284.784)	-	-
Cộng	7.505.981.794	-	20.003.819.456	(24.644.678.936)	2.865.166.597	44.283



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% và 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.781.272.410	68.265.820.114
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	42.679.916.390	35.193.333.018
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	34.418.096.756	26.931.513.384
+ Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	8.261.819.634
- Các khoản điều chỉnh giảm	(20.465.184.444)	(25.468.278.038)
+ Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	(20.465.184.444)	(25.468.278.038)
Thu nhập chịu thuế	93.996.004.356	77.990.873.869
Thu nhập được miễn thuế	(85.324.989.810)	(68.169.091.869)
Chuyển lỗ	(1.430.479.196)	(2.837.066.365)
Thu nhập tính thuế	7.240.535.350	6.984.715.635
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%	2.364.154.013	34.126.898
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	4.876.381.337	6.950.588.737
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế	1.211.691.668	1.393.530.438
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	1.211.691.668	1.393.530.438
19. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	49.740.682.467	25.200.000.000
- Chi phí quản lý vận hành đường dây truyền tải điện	6.996.880.677	9.407.969.660
- Chi phí thuê nhà xưởng	7.100.000.000	5.300.000.000
Cộng	63.837.563.144	39.907.969.660
20. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác		
20a. Phải trả ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	191.709.000	328.600.000
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp	65.259.770	302.436.293
- Phải trả khác	4.229.058.512	741.263.692
Cộng	4.486.027.282	1.372.299.985

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13.834.302.892	11.892.000.000
Công ty TNHH Mass Noble Investments	13.834.302.892	11.892.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000
Cộng	14.034.302.892	12.092.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn*Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay phát sinh tăng do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng, tổ chức, cá nhân	1.119.688.283.740	293.821.958.881	-	88.550.000.000	(609.005.283.281)	893.054.959.340
- Phát hành trái phiếu	400.000.000.000	-	-	-	(400.000.000.000)	-
Cộng	1.519.688.283.740	293.821.958.881	-	88.550.000.000	(1.009.005.283.281)	893.054.959.340

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	77.450.000.000	77.450.000.000	-	-
- Nguyễn Thanh Lâm ⁽¹⁾	77.450.000.000	77.450.000.000	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	128.135.206.300	128.135.206.300	521.069.659.700	521.069.659.700
- Phát hành trái phiếu	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức (USD) ⁽²⁾	48.240.285.320	48.240.285.320	40.110.372.720	40.110.372.720
	(#1.975.037,27 USD)	(#1.975.037,27 USD)	(#1.621.900 USD)	(#1.621.900 USD)
- Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽³⁾	61.894.921.000	61.894.921.000	56.959.287.000	56.959.287.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt ⁽⁴⁾	9.000.000.000	9.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- Hồ Thị Mỹ Trinh ⁽⁵⁾	8.999.999.980	8.999.999.980	9.999.999.980	9.999.999.980
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.100.000.000	11.100.000.000	-	-
- Võ Thị Thu Hằng ⁽¹⁾	11.100.000.000	11.100.000.000	-	-
Cộng	216.685.206.300	216.685.206.300	521.069.659.700	521.069.659.700

⁽¹⁾ (1) Nợ dài hạn đến hạn trả là của Ông Nguyễn Thanh Lâm và Bà Võ Thị Thu Hằng (xem Thuyết minh 21b);⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 049/2023-HĐCVHM/NHCT947-ANSEN ngày 17/07/2023:

- Hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Thời hạn vay được ghi nhận trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo lãnh của bên thứ ba bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Hồ Hải Đăng theo Hợp đồng thế chấp số 154/2021/HĐBĐ/NHCT947 ngày 21/06/2021 và quyền sử dụng đất tại Quận 7 thuộc sở hữu của ông Bùi Pháp và Bà Nguyễn Thị Hương theo hợp đồng bảo đảm số 007/2023/HĐBĐ/NHC-ANSEN ngày 18/01/2023. Chi tiết xem tại mục VII.3 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(3) Là khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông đến hạn trả (xem tại Thuyết minh V.21b).

(4) Khoản vay theo Hợp đồng số 001/2023/HDV/HVH-DLG ngày 21/02/2023 và số 002/2023/HDV/HVH-DLG ngày 22/05/2023, thời hạn vay: không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 12%/năm;

(5) Khoản vay theo Hợp đồng 001/2023/HDV/HVH-DLG ngày 31/03/2023, thời hạn vay: không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 12%/năm, vay tín chấp.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	676.369.753.040	676.369.753.040	998.618.624.040	998.618.624.040
Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽¹⁾	621.524.703.040	621.524.703.040	638.618.624.040	638.618.624.040
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức ⁽²⁾	54.845.050.000	54.845.050.000	-	-
Nguyễn Thanh Lâm ⁽³⁾	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000
Võ Thị Thu Hằng ⁽⁴⁾	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Các đối tượng khác	-	-	210.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	676.369.753.040	676.369.753.040	998.618.624.040	998.618.624.040

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00009/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019 và Hợp đồng tín dụng số 00010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất theo từng mức ước nhận nợ. Tổng số dư tiền vay đến thời điểm 31/12/2023 là 683.419.624.040 đồng với mục đích phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Thuận Nam Đức Long (Thuận Nam 19) (gọi tắt là “Dự án”).

Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị Dự án hình thành tài sản cố định hữu hình với nguyên giá là 860.533.812.581 đồng (xem tại Thuyết minh V.10) và GCNQSDĐ số 364963 với diện tích 560.087,2 m², GCNQSDĐ số 159262 với diện tích 15.828,6 m², với giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng còn lại là 27.524.334.406 đồng (xem tại Thuyết minh V.9).

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 88/2023-HĐCVDADT/NHCT947-ANSEN ngày 29/11/2023:

- Hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- Thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Xây dựng Nhà máy Điện từ Ansen Việt Nam; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ hợp pháp để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô I3-6 đường N2, Khu Công nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú A và phường Tân Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM và đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tivi;

- Tài sản đảm bảo:

+ Toàn bộ máy móc thiết bị đã đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện từ Ansen Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 198/2023/HĐBĐ/NHCT947-ANSEN ngày 25/12/2023. Chi tiết xem tại mục V.9 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

+ Toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven tại Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen và toàn bộ quyền tài sản khác phát sinh từ phần vốn góp đó tại Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen và các quyền, lợi ích vật chất khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven với tư cách là cổ đông Công ty theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 197/2023/HĐBĐ/NHCT947-ANSEN ngày 25/12/2023.

⁽³⁾ Là khoản vay của Ông Nguyễn Thanh Lâm theo Hợp đồng số: 01/HĐMT ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

⁽⁴⁾ Là khoản vay của Bà Võ Thị Thu Hằng theo Hợp đồng số: 04/HĐMT ngày 28 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

22. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem **Phụ lục 02** đính kèm.**21b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
+ Vốn góp tăng trong năm (tăng từ chia cổ tức bằng cổ phiếu)	-	50.587.410.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.236.094	106.236.094
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	106.236.094	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

03128
CÔNG
CH NHIỆ
TOÁN
HUÂN
TP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	95.341.250.855	103.371.489.498
- Doanh thu bến bãi	11.731.374.001	10.478.255.077
- Doanh thu bán điện mặt trời	173.280.556.119	164.800.673.535
- Doanh thu vận chuyển và khác	919.698.069	634.686.422
Cộng	281.272.879.044	279.285.104.532

Doanh thu đối với các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- <i>Doanh thu hoạt động điện mặt trời</i>		
Chi Nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	70.423.660	514.440.755
- <i>Doanh thu hoạt động vận chuyển</i>		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (“DLG”)	150.000.002	218.181.818
- <i>Doanh thu bán linh kiện điện tử</i>		
Ansen Electronics Company	95.221.970.855	103.371.489.498

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn linh kiện điện tử đã bán	82.714.547.755	91.065.152.423
- Giá vốn bến bãi	3.823.245.153	5.715.003.106
- Giá vốn bán điện mặt trời	55.767.818.997	56.085.727.071
- Giá vốn vận chuyển và khác	1.056.308.740	1.539.707.414
Cộng	143.361.920.645	154.405.590.014

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và lãi cho vay	70.134.984.355	70.251.851.705
- Doanh thu tài chính khác	1.310.918.084	1.615.707.481
Cộng	71.445.902.439	71.867.559.186

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	105.462.046.335	122.424.127.308
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	16.320.000.000	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.680.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	3.410.745.112	3.035.979.498
Cộng	128.872.791.447	125.460.106.806

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	587.189.814	693.193.678
- Các chi phí bán hàng khác	685.363.745	787.202.411
Cộng	1.272.553.559	1.480.396.089

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	11.731.954.100	11.543.491.299
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.118.484.974	1.192.655.058
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	-	526.709.120
- Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	8.261.819.634
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.081.053.952	4.699.072.226
Cộng	29.193.312.660	26.223.747.337

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	42.187.623.874	45.302.006.532
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.187.623.874	45.302.006.532
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	106.236.094	106.236.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	397	426

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	42.187.623.874	45.302.006.532
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	42.187.623.874	45.302.006.532
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	106.236.094	106.236.094
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày cuối năm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	397	426

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.952.551.549	75.035.782.207
- Chi phí nhân công	25.885.225.885	27.654.022.702
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.769.896.874	51.068.221.182
- Phân bổ lợi thế thương mại	8.261.819.634	8.261.819.634
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	22.398.581.636	21.464.750.806
Cộng	175.268.075.578	183.484.596.531

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	180.000.000	180.000.000
- Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	131.880.000	131.880.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	134.280.000	134.280.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	174.000.000	133.950.000
Cộng		620.160.000	580.110.000

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Global Capital	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 17,00% vốn điều lệ)
2. Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ)
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông (“BOT Đắc Nông”)	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ)
5. Ông Đặng Công Bình	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (miễn nhiệm từ ngày 05/07/2023)
6. Ông Nguyễn Thanh Lâm	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (bỏ nhiệm từ ngày 06/07/2023)
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (“DLG”)	Chung cổ đông lớn (Bùi Pháp)
8. Chi nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc DLG
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai (“Xây dựng DLGL”)	Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng DLGL
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất (“Đức Long Dung Quất”)	Xây dựng DLGL là cổ đông lớn của Đức Long Dung Quất; Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng DLGL
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Cùng thành viên chủ chốt với Công ty (Nguyễn Đình Trạc)
12. Ansen Electronics Company	Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited là công ty chi phối hoạt động kinh doanh của Ansen Electronics Company
13. Công ty CP DV Đức Long Gia Lai	Có chung người chủ chốt với Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (ông Đặng Công Bình)
14. Ông Bùi Minh Đức	Người nội bộ của Ông Bùi Pháp (cổ đông lớn của Tập đoàn Alpha Seven)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
1. Công ty TNHH Global Capital	Không phát sinh		
2. Ông Bùi Pháp	Thanh lý TSCĐ	520.000.000	
3. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	DLG Ninh Thuận cho vay	18.300.000.000	68.800.000.000
	DLG Ninh Thuận ghi nhận lãi cho vay	21.882.449.315	16.399.210.959
4. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông	Cổ tức được nhận	8.700.000.000	26.100.000.000
5. Ông Đặng Công Bình	Không phát sinh		
6. Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thanh toán gốc vay	2.550.000.000	
	Lãi vay	2.741.900.000	
7. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê ki ốt	1.056.000.000	1.056.000.000
	Thuê xe buýt	-	528.000.000
	Thuê mái nhà	240.000.000	240.000.001
	Doanh thu cho thuê xe	150.000.002	218.181.818
8. Chi Nhánh Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Cung cấp điện mặt trời	70.423.660	514.440.755
9. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	Cho thuê văn phòng	-	11.000.000
	khác	-	62.400.000
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Không phát sinh		
11. Công ty TNHH Mass Noble Investments Limited	Không phát sinh		
12. Ansen Electronics Company	Bán hàng	95.221.970.855	103.371.489.498
	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	27.634.355.486	30.127.492.403
	Mua tài sản cố định	8.362.594.656	1.089.528.725
13. Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	Không phát sinh		
14. Ông Bùi Minh Đức	Thanh lý TSCĐ	500.000.000	

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm các bên liên quan

Xem tại các mục thuyết minh V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.17, V.20, V.21.

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn dùng tài sản của Tập đoàn (Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (xem Thuyết minh V.10)) để đảm bảo thanh toán cho các khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Tập đoàn được bên thứ 3 (ông Hồ Hải Đăng, ông Bùi Pháp và Bà Nguyễn Thị Hương) bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn bằng tài sản cá nhân. (xem Thuyết minh V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

<i>Năm nay</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	95.341.250.855	82.714.547.755	12.626.703.100
Dịch vụ bến bãi	11.731.374.001	3.823.245.153	7.908.128.848
Điện mặt trời	173.280.556.119	55.767.818.997	117.512.737.122
Dịch vụ vận chuyển và khác	919.698.069	1.056.308.740	(136.610.671)
Cộng	281.272.879.044	143.361.920.645	137.910.958.399

<i>Năm trước</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	103.371.489.498	91.065.152.423	12.306.337.075
Dịch vụ bến bãi	10.478.255.077	5.715.003.106	4.763.251.971
Điện mặt trời	164.800.673.535	56.085.727.071	108.714.946.464
Dịch vụ vận chuyển và khác	634.686.422	1.539.707.414	(905.020.992)
Cộng	279.285.104.532	154.405.590.014	124.879.514.518

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Thông tin so sánh

Số liệu cuối năm 2022 được trình bày lại trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	249	177	426

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	96.018.811.284	843.100.100.972	10.178.490.602	2.688.766.770	951.986.169.628
2. Tăng trong năm	407.407.407	8.372.699.730	125.925.926	1.581.517.124	10.487.550.187
- Tăng mua mới trong năm	407.407.407	8.372.699.730	125.925.926	1.581.517.124	10.487.550.187
3. Giảm trong năm	-	-	(5.669.782.719)	-	(5.669.782.719)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.669.782.719)	-	(5.669.782.719)
4. Số dư cuối năm	96.426.218.691	851.472.800.702	4.634.633.809	4.270.283.894	956.803.937.096
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	686.558.260	452.570.631	3.203.035.064	348.360.000	4.690.523.955
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	27.399.221.140	132.946.996.805	7.764.149.519	1.319.323.219	169.429.690.683
2. Tăng trong năm	4.926.748.939	44.788.678.784	722.527.456	284.678.982	50.722.634.161
- Khấu hao trong năm	4.926.748.939	44.788.678.784	722.527.456	284.678.982	50.722.634.161
3. Giảm trong năm	-	-	(4.728.328.786)	-	(4.728.328.786)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.728.328.786)	-	(4.728.328.786)
4. Số dư cuối năm	32.325.970.079	177.735.675.589	3.758.348.189	1.604.002.201	215.423.996.058
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	68.619.590.144	710.153.104.167	2.414.341.083	1.369.443.551	782.556.478.945
2. Tại ngày cuối năm (*)	64.100.248.612	673.737.125.113	876.285.620	2.666.281.693	741.379.941.038

(*) Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình thế chấp cho khoản vay của Tập đoàn là 688.427.050.080 đồng (xem Thuyết minh V.21); bảo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) là 3.440.239.621 đồng (Xem tại mục VII.3).

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022						
Tại ngày 01/01/2022	1.011.773.530.000	1.049.485.820	663.498.805	138.099.057.979	-	1.151.585.572.604
Tăng trong năm	50.587.410.000	-	-	46.529.006.532	141.615.823.521	238.732.240.053
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	45.302.006.532	21.570.283.144	66.872.289.676
- Tăng từ phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	50.587.410.000	-	-	-	-	50.587.410.000
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	-	-	-	-	120.045.540.377	120.045.540.377
- Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	1.227.000.000	-	1.227.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	(63.349.274.618)	-	(63.349.274.618)
- Phân chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(50.587.410.000)	-	(50.587.410.000)
- Chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư	-	-	-	(12.761.864.618)	-	(12.761.864.618)
Tại ngày 31/12/2022	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	121.278.789.893	141.615.823.521	1.326.968.538.039
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023						
Tại ngày 01/01/2023	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	121.278.789.893	141.615.823.521	1.326.968.538.039
Tăng trong năm	-	-	-	42.187.623.874	28.381.956.868	70.569.580.742
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	42.187.623.874	28.381.956.868	70.569.580.742
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	163.466.413.767	169.997.780.389	1.397.538.118.781

(*) Tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

	Tại ngày 01/01/2023	Lãi/(Lỗ) từ KQKD trong năm	Tại ngày 31/12/2023
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	141.615.823.521	28.381.956.868	169.997.780.389
Cộng	141.615.823.521	28.381.956.868	169.997.780.389

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

TP. Thủ Đức, ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Tổng Giám Đốc




NGUYỄN ĐÌNH TRÁC